

PV. Xin giáo sư cho độc giả biết những nhận xét của giáo sư về hoạt động ngân hàng của VN.

G.S: Nhận định chung của nhiều người nước ngoài là hệ thống ngân hàng hiện nay hoạt động kém và cần phải cải tiến. Các ngân hàng nước ngoài rất bị hạn chế trong hoạt động của mình và thậm chí những công ty trong nước còn được thúc giục là chỉ nên làm ăn với những ngân hàng Việt Nam. Vì thiếu phương tiện chuyển tiền hữu hiệu, người ta thường phải mang theo người và cất giữ những khoản tiền mặt rất lớn. Tuy nhiên, khi đô la Mỹ bắt đầu được sử dụng làm phương tiện thanh toán thay cho những khoản tiền đồng Việt Nam khổng lồ, thì phương tiện thanh toán này lại bị (hoặc sẽ bị) coi là bất hợp pháp. Nếu như mọi áp lực cạnh tranh đặt ra với hệ thống ngân hàng đều bị loại trừ để bằng quy chế, thì những ngân hàng quốc doanh của Việt Nam sẽ thấy không cần thiết buộc phải cải tiến lề lối hoạt động của mình làm gì.

Thực tế là hiện nay, người gửi tiền tại ngân hàng không thể chắc chắn có rút được tiền bất cứ lúc nào mình cần hay không. Vì vậy, giới kinh doanh và người dân thường giữ tiền mặt chứ không gửi vào tài khoản ngân hàng. Trước đây, họ chủ yếu giữ đô la Mỹ và vàng, nhưng lượng này giảm đi từ khi đồng VN tăng giá. Séc cũng không giúp ích được gì hơn vì thường là không thể được thanh toán ngay, mà phải đợi một khoảng thời gian nhất định nào đó. Tín dụng thường chỉ được cấp trên cơ sở ngắn hạn và phần lớn hiện nay vẫn là cấp cho xí nghiệp quốc doanh. Thậm chí tại thành phố Hồ Chí Minh, có những công ty tư nhân lớn sử dụng hàng ngàn công nhân, làm ăn phát đạt và có quan hệ nhiều với nhà nước, mà vẫn không được cấp tín dụng trung hạn (từ 1 đến 3 năm) bằng ngoại tệ, mặc dù họ rất cần và sẵn sàng trả lãi suất 1%/tháng.

Tất nhiên, ta không nên trở lại tình trạng cho vay bừa bãi và để đổ bể tín dụng như trước đây. Nhưng dù sao, từ chối cấp tín dụng cho những đối tượng chính đáng không phải là phương thức tốt để giúp gia tăng tốc độ phát triển. Nếu ngân hàng nước ngoài được phép mở rộng hoạt động, ít nhất là trong việc cấp tín dụng bằng đô la Mỹ, thì các nhà xuất khẩu trong nước có thêm được một nguồn vay vốn. Những ngân hàng này có thể làm việc với những công ty Việt Nam hiện đang thành công nhất và giúp cải tiến hệ thống kế toán cũng như hoạt động kinh doanh của họ. Chính phủ nên quan tâm nhiều hơn đến hình thức hợp tác tối thiểu này.

Còn một vấn đề khác là liệu có nên cho phép sử dụng đô la Mỹ làm phương tiện thanh toán trong nước không? Nói chung, các chính sách liên

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM NỘI LO CÒN ĐÓ!

GS. DAVID O. DAPICE

Giáo sư David O.Dapice là nhà kinh tế nổi tiếng của Viện phát triển quốc tế Harvard (Harvard Institute for International Development - HIID), tham gia trong nhóm "Chương trình Đông Dương" (Indochina Program). Giáo sư đã nhiều lần sang Việt Nam tham gia nhiều cuộc hội thảo về kinh tế Việt Nam. Nhân chuyến thăm TP.HCM lần này, chúng tôi có dịp trao đổi với giáo sư về một số vấn đề hoạt động ngân hàng. Dưới đây là một số nội dung chính.

quan nên tạo điều kiện cho việc thanh toán bằng đồng VN được dễ dàng, có vậy thì việc dùng đô la Mỹ làm phương tiện thanh toán mới bị giảm tác dụng. Mặt khác, cấm hẳn sử dụng đồng đô la Mỹ làm phương tiện thanh toán trong nước không phải là chính sách tốt. Những công ty xí nghiệp sử dụng đô la Mỹ thường cảm thấy dễ giao dịch bằng đô la Mỹ hơn trong tình hình đồng nội tệ không được quản lý chặt chẽ, còn các ngân hàng trong nước thì hoạt động kém hiệu quả. Chỉ khi nào tiền gửi ngân hàng và séc được thanh toán nhanh chóng, tín dụng thương mại không còn là mục tiêu của những cuộc đàm phán dài lê thê và khi tiền tệ luôn có sẵn để thực hiện việc thanh toán, thì các công ty, xí nghiệp mới không ngại sử dụng đồng VN. Trước mắt, việc cấm dùng ngoại tệ chỉ làm cho chi phí sản xuất kinh doanh tăng cao hơn và các công ty của Việt Nam, dù là quốc doanh hay tư nhân, giảm khả năng cạnh tranh.

Trong tình hình hiện nay, có lẽ các chuyên gia của Quỹ tiền tệ quốc tế đã cố vấn cho Ngân hàng Trung ương nên phát hành tiền với số lượng thể nào cho đủ để đảm bảo việc rút tiền gửi ngân hàng dễ dàng và thanh toán ngân phiếu nhanh chóng. Nếu quả thật đã có sự cố vấn này thì việc thực hiện đã bị khiếm khuyết nhiều. Vấn đề ở đây không phải là việc cung ứng tiền tệ nên tăng với tốc độ nào, mà là đảm bảo cho người chủ tài khoản rút được tiền từ ngân hàng bất cứ lúc nào cần. Khi một bộ phận tiền tệ giảm đi (tiền gửi ngân hàng) thì một bộ phận khác phải tăng

thêm (tiền mặt trong lưu thông). Tổng cung tiền tệ cần được giữ ở mức ổn định. Đây là một nguyên tắc cơ bản. Nếu cho đến hôm nay chưa có tiến bộ gì trong lĩnh vực này thì đó là dấu hiệu của những khúc mắc trầm trọng hơn đòi hỏi phải thay đổi tận gốc phương pháp quản lý.

Hiển nhiên là các ngân hàng còn gặp khó khăn trong việc đánh giá các dự án xin vay thương mại do có rất ít kinh nghiệm trong việc này, và chỉ một số ít các doanh nghiệp có hệ thống kế toán tốt. Mặc dù vậy, không một lý do nào có thể biện hộ cho tình hình quản lý vốn tiết kiệm hoặc di chuyển vốn kém hiệu quả hiện nay. Cần phải đảm bảo cho mọi đối tượng có thể rút tiền khỏi ngân hàng hoặc thanh toán séc từ tài khoản tiền gửi một cách dễ dàng và

nhANH chóng. Đây là những vấn đề quan trọng hiện nay, mà nếu không được điều chỉnh thì sẽ trở thành một gánh nặng ngày càng lớn đối với các doanh nghiệp. Chỉ có cách tăng cường áp lực của cạnh tranh mới tạo ra cho các ngân hàng của nhà nước một động cơ tự cải tiến. Nếu các dịch vụ ngân hàng không được cải thiện một cách đáng kể, Việt Nam sẽ rơi vào thế bất lợi nghiêm trọng trong việc thu hút hoặc phát triển các hoạt động xuất khẩu có hiệu quả.

P.V. : Về tỷ giá hối đoái, GS thấy có gì đáng đề cập?

G.S: Tỷ giá hối đoái (đồng VN/USD) đã lên mạnh trong năm qua. Tại sao lại như vậy trong khi chính phủ đã mua khá nhiều USD trên thị trường ngoại hối? Nguyên nhân quá rõ ràng: nguồn cung về USD thu được từ xuất khẩu, đầu tư nước ngoài, viện trợ và cho vay đang tăng nhanh hơn so với nhu cầu về ngoại tệ cần cho nhập khẩu. Chính phủ đã giảm chi vốn đầu tư cơ bản, còn các ngân hàng xem ra đã sẵn lòng cho các doanh nghiệp quốc doanh vay vốn ngắn hạn (về mặt kinh tế vĩ mô, có thể không cần tính tới khoản cho vay không đáng kể dành cho khu vực tư nhân). Như vậy, trong khi USD đang đổ vào trong nước, Việt Nam hiện vẫn chưa có một cơ chế hữu hiệu nhằm sử dụng các nguồn vốn này sao cho có hiệu quả. Kết quả là có một sự "dư thừa" USD. Sự "dư thừa" này càng trở thành nghiêm trọng hơn khi chính phủ tạm cấm nhập nhiều mặt hàng... và do vậy đã làm cho đồng tiền Việt Nam tăng giá trị. Hiện tượng đồng VN tăng

giá này được một số người đón mừng vì: a) nó cho thấy Việt Nam có đồng tiền "mạnh", b) nó kèm chế sự tăng của mặt bằng giá. Có nhiều người thắc mắc tại sao Việt Nam lại phải đi hỗ trợ cho USD bằng cách bỏ đồng nội tệ ra mua USD? Thậm chí, ngay cả số người không đồng ý với quan điểm này cũng vẫn cho rằng ổn định giá cả thị trường là mục tiêu ưu tiên, và do vậy không muốn in tiền quá nhiều, hoặc phá giá đồng tiền Việt Nam làm gây ra lạm phát. Kết quả là sắp tới đây đồng tiền VN sẽ còn mạnh lên nữa, trừ khi chính sách thay đổi. Đây có phải là điều đáng mừng không?

Chính sách hiện nay sẽ gây thiệt hại lớn cho sản xuất. Một khi lệnh cấm nhập khẩu tạm thời hiện nay được xóa bỏ, nhiều xí nghiệp vốn có khả năng hoạt động ở mức tỷ giá 12.000 đồng/USD sẽ bị phá sản, hoặc cần phải có thêm bao cấp của chính phủ dưới hình thức cho vay ưu đãi nếu tỷ giá tụt xuống tới mức 10.000 đồng hoặc thấp hơn. Nhiều nông dân sẽ thấy sức mua của khoản thu nhập từ phần sản phẩm dôi thêm của mình bị giảm xuống nghiêm trọng... các tính toán về chi phí sản xuất thường không tính đến chi phí tăng nhanh cho hàng tiêu dùng ngoài lương thực của các hộ nông dân.

Không có bất kỳ một nền kinh tế thị trường đang tăng trưởng nhanh nào của châu Á lại đi tăng giá đồng tiền của mình theo kiểu như vậy!

Thậm chí cả những nước có tỷ lệ lạm phát thấp cũng thường duy trì tỷ giá hối đoái chính thức ở một mức ổn định. Chẳng hạn như Thái Lan và Đài Loan đã giữ tỷ giá chính thức của mình về cơ bản không thay đổi so với USD trong khoảng thời gian dài, ngay cả khi nền kinh tế của họ đã tăng trưởng rất mạnh. Dollar Đài Loan dao động trong khoảng 36 tới 40/USD từ 1959 tới 1985, sau đó do Mỹ nổi giận vì sự xuất siêu thường xuyên của Đài Loan trong cán cân buôn bán với Mỹ và sự mất cân đối trong di chuyển vốn tài chính giữa Mỹ và Đài Loan đã buộc Đài Loan phải nâng giá dân đồng tiền của mình. Tỷ giá hối đoái của Thái Lan được giữ ở mức 20 tới 21 baht/USD từ 1955 tới 1980, sau đó phá giá dần tới 25 baht/USD như hiện nay.

CH Triều Tiên và Indonesia, với tỷ lệ lạm phát cao hơn, đã không ngần ngại phá giá đồng tiền của mình nhằm giữ tỷ giá hối đoái thực tế ở mức nhất định (nghĩa là họ phá giá đồng tiền của họ tới mức làm cho tỷ lệ lạm phát trong nước luôn ở mức cao hơn, so với tỷ lệ lạm phát của các nước khác trên thế giới). Trong những năm 1980 chẳng hạn, chỉ số giá cả của Indonesia tăng 9%/ năm trong khi tỷ giá hối đoái (so với USD) tăng 12%/năm. Điều này đã giúp cho các xí nghiệp và nông dân của Indonesia giữ được khả năng cạnh tranh và bù đắp phần nào cho việc

nguồn thu từ đầu bị giảm sút. Việt Nam đang ở trong tình trạng giống những nước này hơn là giống Đài Loan và Thái Lan, ít nhất là ở thời điểm hiện nay.

Từ năm 1980, chính là năm nền kinh tế cải cách ngã theo hướng thị trường mạnh hơn, Trung Quốc cũng phá giá đồng tiền của mình một cách đều đặn. Thậm chí ngay cả khi lạm phát chỉ có 8%/năm, tỷ giá hối đoái cũng tăng từ 1,5% yuan/USD lên 5,8 yuan/USD trong giai đoạn từ 1980 tới 1992. Cần lưu ý rằng tỷ lệ phá giá của đồng tiền Trung Quốc là 12%, cao hơn cả tỷ lệ lạm phát. Điều này đã giúp nền xuất khẩu của Trung Quốc đảm bảo được tính cạnh tranh của mình.

Việt Nam rất khó mà thu được lợi từ việc đưa đồng tiền của mình đi ngược lại với chính sách giữ tỷ giá chính thức ổn định của các nước có lạm phát thấp, hoặc chính sách phá tỷ giá chính thức (nhưng đảm bảo tỷ giá thực tế ổn định) của các nước có lạm phát cao hơn. Căn cứ vào số liệu và thông tin ít ỏi mà tôi đã được cung cấp, thì ở thời điểm này tôi chỉ có thể đề xuất là Việt Nam nên tiến hành phá giá đồng tiền của mình một cách cẩn thận và từ từ. Giải pháp tốt nhất hiện nay là tìm cách sử dụng có hiệu quả nguồn ngoại tệ đang đổ ngày càng nhiều vào Việt Nam, và đó là tăng cường đầu tư. Trong dự đoán ngân sách cho năm 1993, đã có tính tới việc tăng một cách có hiệu quả đầu tư cho các đề án xây dựng cơ sở hạ tầng ưu tiên. Điều này sẽ làm giảm phần nào áp lực đối với tỷ giá hối đoái, do số ngoại tệ phải chi để nhập khẩu các trang thiết bị và các mặt hàng khác sẽ tăng lên. Nếu hệ thống ngân hàng bắt đầu hoạt động có hiệu quả, họ sẽ biết chọn lọc những người đi vay có thể tín nhiệm được và biết đầu tư vào các dự án tốt, và sau này có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Việc này cũng có tác dụng chuyển nguồn USD thành các trang thiết bị nhập, chứ không để chúng nằm bất động trong các tài khoản tại các ngân hàng nước ngoài. Bằng cách tăng nhu cầu nhập khẩu, nhu cầu về USD cũng sẽ tăng và khi đó, nhà nước sẽ không cần phải can thiệp vào thị trường ngoại hối nữa.

Cho dù những bước đi này đòi hỏi phải có thời gian, thì trước mắt ít nhất cũng phải có chính sách ổn định tỷ giá hối đoái chính thức. Chính sách này sẽ không thể gây lạm phát và giúp các công ty an tâm hoạt động mà không cú phải canh cánh lo bị lỗ vốn. Hiện nay, họ đang phải đối mặt với nguy cơ phá sản do việc đồng VN lên giá mạnh. Do đó, họ bắt buộc phải giảm giá thu mua mà họ trả cho nông dân, và hoạt động xuất khẩu của họ càng thêm tính rủi ro. Đây không phải là điều đáng mong muốn.

Vấn đề hiện nay là xác định và sửa

đổi tỷ giá của đồng VN sao cho nó giữ được một mức thực tế so với các đồng tiền khác. Đây là một quyết định lớn, vì sự giảm giá trị quá dễ dàng của đồng tiền là thông tin về thái độ của dân chúng đối với những chính sách của chính phủ. Trên thực tế nó cho phép người dân dùng tiền của mình để tỏ thái độ ủng hộ hoặc phản đối các chính sách của chính phủ. Nó khép chính phủ vào một kỷ luật mà chính phủ có thể không muốn và không hoan nghênh. Tuy vậy, kỷ luật này cung cấp thông tin cần thiết và giữ cho nền kinh tế đi đúng hướng. Đặc biệt là sau một giai đoạn lạm phát tăng nhanh, đồng tiền chuyển đổi có thể là con đường duy nhất để thuyết phục người dân rằng chính sách quản lý kinh tế của chính phủ là đáng tin cậy và đồng tiền trong nước đáng được tin nhiệm.

P.V.: Xin GS nói rõ hơn, thế nào là đồng tiền chuyển đổi?

G.S.: Việc biến đồng VN thành đồng tiền chuyển đổi thông qua việc kết hợp một số bước. Khả năng chuyển đổi có nghĩa là không có sự phân phối ngoại tệ. Bất kỳ ai có tiền trong nước cũng có thể mua bất kỳ một khối lượng ngoại tệ nào với tỷ giá thống nhất mà không phải trả lời một câu hỏi nào.

P.V.: Có thể tránh sai lầm lớn trong chính sách kinh tế?

G.S.: Sai lầm trong chính sách kinh tế là không thể tránh khỏi. Một số sai lầm có thể tránh được nhờ nghiên cứu kinh nghiệm của các nước khác. Tuy vậy, áp lực từ nhiều phía, việc thiếu kinh nghiệm phân tích chính sách và một số vấn đề khác dẫn tới những quyết định tồi. Các nước thành công thường xây dựng được một cơ chế nhằm sớm phát hiện những sai lầm này và thay đổi chính sách. Các nước làm ăn tồi thường cố theo đuổi những chính sách sai lầm ngay cả khi đã thấy rõ là chúng vô tác dụng. Thông thường, các quyết định dựa trên cơ sở thị trường tỏ ra công bằng và hữu hiệu hơn các quyết định có tính chất hành chính.

Một khía cạnh quan trọng của thành công là việc cho phép phê bình và đối thoại về lựa chọn các chính sách kinh tế. Các khuyến nghị của các nhà khoa học kinh tế không phải bao giờ cũng được nghe theo, nhưng họ được tự do tranh luận, ủng hộ hoặc phản đối các chính sách cụ thể, báo chí cũng được phép đưa tin và tham dự vào các tranh luận về chính sách. Một khi những phê phán này không mang tính chính trị hoặc cá nhân, mọi người đều có quyền bày tỏ sự bất đồng quan điểm mà không sợ bị cho là không trung thành. Sự cởi mở như vậy cũng tạo điều kiện kiểm soát nạn tham nhũng, một vấn đề phổ biến ở hầu hết các nước đang phát triển ♣

LÊ TÙNG VÂN thực hiện